|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2019)***

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung 2***  |  |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh): Chinese 2*** |  |
| ***- Mã số học phần: NNKC1111*** |  |
| ***- Thuộc khối kiến thức: kiến thức ngành, tự chọn***  |  |
| ***- Số tín chỉ: 3*** |  |
|  ***+ Số giờ lý thuyết: 18*** |  |
|  ***+ Số giờ thảo luận: 18*** |  |
| ***- Các học phần tiên quyết: Chinese 1*** |  |

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN: Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên**

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần trang bị cho sinh viên lượng từ vựng phong phú và đa dạng, những thể loại câu cơ bản, mẫu câu, cấu trúc sử dụng trong văn viết và khẩu ngữ. Các bài khoá giảng dạy trong học phần có chủ đề gần gũi với môi trường học tập, cuộc sống hàng ngày và một số vấn đề kinh tế, quản lý, giúp sinh viên phát triển nhận thức về Hán ngữ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội, học tập và nghiên cứu. Nội dung giảng dạy được thiết kế giúp sinh viên phát triển đồng đều cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết).**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

 荣继华（2011），发展汉语（第二版）：初级综合（I），北京语言大学出版社，北京。

 Rong, Jihua (2011) Developing Chinese (2nd Edition): Elementary Comprehensive Coure (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

 么书君（2011），发展汉语（第二版） 初级听力（I），北京语言大学出版社，北京。

 Ma, Shujun (2011) Developing Chinese (2nd Edition): Elementary Listening Coure (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

**Tài liệu khác**

 金一平（2009），经贸汉语（上），北京语言大学出版社，北京。

 Jin, Yiping (2009), Chinese for Economics and Trade (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

 罗兵斯，德森佐，库尔特著；毛蕴诗主译（2018），管理学：原理与实践，机械工业出版社，北京。

 Robbins, S. P., Decenzo, D. A., Coulter, M. (2015), Fundamentals of Management: Essential Concepts and Applications, 9th Edition, Pearson Education, Simplified Chinese Edition, China Machine Press, Beijing.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu**  | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Thực hiện được các hoạt động truyền thông bằng lời nói, văn bản trong truyền tải thông tin về cá nhân, nhóm và tổ chức sử dụng tiếng Trung | CĐR 2.2.1 | III |
| G2 | Rèn luyện trở thành công dân toàn cầu, làm việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội | CĐR 3.1.1 | III |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1.Năng lực người học học phần (CLO)**

| **CĐR** | **CLOs**  | **Mô tả năng lực người học** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| 2.1.1 | LO 2.1 | Có kỹ năng truyền thông bằng lời nói, văn bản trongtruyền tải thông tin tổ chức  | 3 |
| 2.1.1 | LO 2.2 | Có kỹ năng thực hiện nhiệm vụ được giao trong làm việc nhóm | 3 |
| 2.1.1 | LO 2.3 | Có kỹ năng giới thiệu về bản thân và thực hiện hội thoại phỏng vấn | 3 |
| 2.1.1 | LO 3.1 | Trở thành công dân toàn cầu | 3 |
| 3.1.1 | LO 3.2 | Hành động có trách nhiệm xã hội  | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.3. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **NLNH học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần | Điểm danh, tích cực xây dựng bài trên lớp | Tuần 1-13 | LO 3.1 – LO 3.2 | - Mức độ tham gia lớp học đầy đủ- Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng)- Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời)- Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi)  | 10% |
| Kiểm tra giữa kỳ cá nhân | Bài 1-6Bài 1-10 | Tuần 5Tuần 8 | LO 2.1 – LO 2.3LO 3.1 – LO 3.2 | 2 bài kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm, mỗi bài bao gồm 50 câu hỏi, được thực hiện trong 50 phút, lấy điểm cao nhất để đánh giá | 20% |
| Thuyết trình nhóm | Bài 11 - 14 | Tuần 11-12 | LO 2.1 – LO 2.3LO 3.1 – LO 3.2 | Mỗi nhóm sẽ chuẩn bị bài luận theo chủ đề được giao với độ dài từ 100-300 từ, viết tay, chuyển cho giáo viên trước mỗi buổi thuyết trình. Nhóm có 10 phút để thuyết trình về chủ đề đã chọn và trả lời các câu hỏi liên quan (tối đa 10 câu hỏi). | 20% |
| Đánh giá cuối kỳ | Thi kết thúc học kỳ | Lịch thi học phần | LO 2.1 – LO 2.4 | Đề thi viết, theo hình thức kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Thực hiện trong 90 phút  | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**8.1. Nội dung giảng dạy**

Bài 1: Chủ nhật bạn có bận không?

Bài 2: Tôi ăn cơm ở căng tin trường.

Bài 3: Tôi đã chuyển nhà rồi.

Bài 4: Đến tháng 11 thì lạnh rồi

Bài 5: Tôi có thể vào không?

Bài 6: Tôi muốn tặng anh ấy một món quà.

Bài 7: Kỹ năng nói và nghe của tôi đều rất tốt

Bài 8: Tôi đã sử dụng internet được 4 tiếng

Bài 9: Nhập hương tùy tục

Bài 10: Bạn học tiếng Hán được bao lâu rồi?

Bài 11: Con trai sắp về nhà

Bài 12: Nền kinh tế quốc dân của Trung Quốc

Bài 13: Mở cửa và các đặc khu kinh tế

Bài 14: Công việc của nhà quản lý

Bài 15: Văn hóa tổ chức

**8.2. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **NLNH học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** |
| 1  | **Bài 1, Bài 2** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 2 | **Bài 2, Bài 3** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 3 | **Bài 4, Bài 5** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 4 | **Bài 5, Bài 6** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 5 | **Bài 7****Kiểm tra cá nhân** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 1 tiếtThực hành: 1 tiếtKiểm tra cá nhân: 1 tiết (Trắc nghiệm)Luyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnKiểm tra giữa kỳ |
| 6 | **Bài 8, Bài 9** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 7 | **Bài 9, Bài 10** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 8 | **Bài 11****Kiểm tra cá nhân** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnKiểm tra giữa kỳ |
| 9 | **Bài 12, Bài 13** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 10 | **Bài 14****Chuẩn bị thuyết trình nhóm** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 1 tiếtThực hành: 2 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 11 | **Thuyết trình nhóm** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết trình nhóm: 3 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnThuyết trình |
| 12 | **Thuyết trình nhóm** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết trình nhóm: 3 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnThuyết trình |
| 13 | **Ôn tập** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Ôn tập toàn bộ các kiến thức đã học để thi học kì. | Chuyên cần |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về tham dự lớp học**

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Sinh viên sẽ được yêu cầu trả lời các câu hỏi vấn đáp ngẫu nhiên trong suốt 12 buổi học

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

**9.2. Quy định về hành vi lớp học**

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

- Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, nghiên cứu tình huống, thuyết trình

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Trường** | **Trưởng Bộ môn** | **Giảng viên** |